TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THỌ XUÂN** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 286/2019/HNGĐ - ST
Ngày: 28 - 11 - 2019
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỌ XUÂN, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Minh Tiến

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đỗ Trọng Hoành

2. Ông Trịnh Văn Thọ

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Ngọc Công - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên toà: Ông Đỗ Văn Nam - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân; Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 251/2019/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 10 năm 2019 về "ly hôn, tranh chấp về nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 10 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 31/2019/QĐST-HNGĐ ngày 11/11/2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Phạm Thị H, sinh năm 1992, địa chỉ: thôn Làng P, xã X, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Hà Văn Q, sinh năm 1988, Nơi ĐKHKTT: thôn Làng P, xã X, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Là người bị tuyên bố mất tích theo quyết định số 28/2019/QĐDS-ST ngày 04/9/2019 của Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 04/10/2019, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn là chị Phạm Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: chị H và anh Q tự nguyện tìm hiểu, yêu thương và đi đến hôn nhân, có tổ chức cưới theo phong tục và làm đăng ký kết hôn tại Ủy

ban nhân dân xã L, huyện T1, tỉnh Thanh Hóa vào ngày 19/01/2010. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng gần 5 năm thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng về quan điểm trong cuộc sống, sinh hoạt gia đình. Đến tháng 5 năm 2015 anh Q đã bỏ nhà đi khỏi địa phương, mà không tin tức gì cho chị biết. Chị đã đi tìm kiếm, hỏi han nhiều nơi nhưng không có tin tức gì về anh Q. Đến tháng 4 năm 2019 chị có đề nghị Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân giải quyết tuyên bố anh Hà Văn Q mất tích. Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân đã đăng tin tìm kiếm anh Hà Văn Q trên báo Nhân Dân và trên Đài tiếng nói Việt Nam theo quy định, nhưng vẫn không có tin tức gì về anh Q, nên ngày 04/9/2019 Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân đã giải quyết, tuyên bố anh Hà Văn Q mất tích; đến nay vẫn không có tin tức xác thực về anh Q, nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Q.

Về con chung: chị H xác định vợ chồng có 01 (một) con chung là cháu Hà Thị Phương T2, sinh ngày 28/3/2011; nguyện vọng của chị là xin được nuôi con chung và không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con chung vì anh Q đã mất tích và hiện không có tin tức gì.

Về tài sản và công nợ: chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là anh Hà Văn Q là người đã bị tuyên bố mất tích; Qúa trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh tại địa phương nhưng không có tin tức gì về anh Q và đã thực hiện việc niêm yết công khai văn bản tố tụng đối với bị đơn theo quy định.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn là người đã bị tuyên bố mất tích, không thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị áp dụng khoản 2 Điều 56, Điều 81, Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, Về hôn nhân: xử cho chị Phạm Thị H được ly hôn với anh Hà Văn Q; Về con chung: giao con chung là cháu Hà Thị Phương T2 cho chị Phạm Thị H trực tiếp nuôi dưỡng; Về tài sản và công nợ: không xem xét; Về án phí: chị Phạm Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Phạm Thị H khởi kiện đề nghị giải quyết xin được ly hôn với anh Hà Văn Q, có hộ khẩu thường trú tại: xã X, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân.

Bị đơn là anh Hà Văn Q đã bị Tòa án tuyên bố là người mất tích, Qúa trình giải quyết vụ án, không có tin tức xác thực về anh Q; Căn cứ vào Điều 177, 179 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án đã thực hiện việc niêm yết công khai văn bản tố tụng đối với bị đơn theo quy định. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa, nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị H và anh Hà Văn Q tự nguyện kết hôn, đã được Ủy ban nhân dân xã L cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 19/01/2010, nên xác định quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh Q là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống giữa vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, nên từ tháng 5 năm 2015 anh Q đã bỏ nhà đi biệt tích; chị H có làm đơn đề nghị và tại Quyết định số 28/2019/QĐDS-ST ngày 04/9/2019 Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân đã tuyên bố anh Hà Văn Q là người mất tích, đến nay vẫn không có tin tức xác thực về anh Q đang ở đâu, còn sống hay đã chết. Nay chị H có đơn yêu cầu giải quyết xin được ly hôn với anh Q. Hội đồng xét xử xét thấy: yêu cầu của chị H là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, nên chấp nhận xử cho chị Phạm Thị H được ly hôn với anh Hà Văn Q.

[3] Về con chung: Chị Phạm Thị H và anh Hà Văn Q có 01 (một) con chung là cháu Hà Thị Phương T2, sinh ngày 28/3/2011;

Xét nguyện vọng xin được nuôi con chung của chị H thấy rằng: chị H có nguyện vọng xin được nuôi con và hiện có đủ điều kiện để trực tiếp nuôi con, trong khi anh Q là người mất tích, hiện không biết đang ở đâu, còn sống hay đã chết; Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con cần chấp nhận yêu cầu của chị H, giao con chung là cháu T2 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình. Về nghĩa vụ cấp dưỡng: chị H không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét.

[4] Về phần tài sản và công nợ: Chị Phạm Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết; trong khi anh Q là người mất tích, không có lời khai trong hồ sơ. Do đó không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Phạm Thị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố

tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 51, khoản 2 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Phạm Thị H được ly hôn với anh Hà Văn Q.

2. Về con chung: Chị Phạm Thị H và anh Hà Văn Q có 01 (một) con chung là cháu Hà Thị Phương T, sinh ngày 28/3/2011. Giao con chung là cháu Hà Thị Phương T cho chị Phạm Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh Hà Văn Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở. Về nghĩa vụ cấp dưỡng: không xem xét.

3. Về tài sản và công nợ: Không xem xét.

4. Về án phí: Chị Phạm Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị H đã nộp, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2017/0004742 ngày 04/10/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thọ Xuân. Chị Phạm Thị H đã nộp đủ tiền án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Thọ Xuân;
- Chi cục THADS huyện Thọ Xuân;
- P. kiểm tra nghệp vụ và THA, TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Các đương sự;
- UBND xã L, H. T1;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Lê Minh Tiến